TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số **51/2018**/HNGĐ-ST
Ngày 20/8//2018
"*V/v ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sanh

Ông Nguyễn Xuân Tùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu **-** Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/6/ 2018 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018;

** Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Thu A.**, sinh 1977. Trú tại: K304/55 – ĐBP, q. Th.K, thành phố ĐN, có mặt.

** Bị đơn:* Ông **Lương Văn D.**, sinh năm 1968. Trú tại: 16 – LĐD, q. HC, thành phố ĐN, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, trong quá trình giải quyết và tại phiện tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thu Ánh trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (A.) và ông Lương Văn D. kết hôn vào năm 1997, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ThLĐ (nay là UBND phường ThKĐ), quận ThK, thành phố ĐN. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ ông D. tại địa chỉ số 983 – TCV, quận ThK, thành phố ĐN và chuyển sinh sống tại nhiều địa chỉ khác nữa.

Trong quá trình chung sống đến khoảng năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống tính tình không hợp, ông D. có tính gia trưởng, thường hay nhậu nhẹt say xỉn về nhà chửi bới vợ con Không quan tâm đến vợ con, lo lắng xây dựng hạnh phúc gia đình, khiến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù tôi cũng đã nhiều lần khuyên nhũ nhưng ông D. vẫn không nghe nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay tôi xác định về tình cảm không còn thương yêu gắn bó với ông D. nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Tôi và ông Lương Văn D. có 02 con chung là Lương Thị Trâm A., sinh ngày 16/9/1997 và Lương Thị Trúc H., sinh ngày 04/4/2004. Ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con Lương Thị Trúc H. và không yêu cầu ông D. cấp dưỡng nuôi con. Đối với Lương Thị Trâm A. đã đủ tuổi trưởng thành nên muốn ở với ai là tùy.

Về tài sản chung, nợ nần chung: Tôi và ông Lương Văn D. không có tài sản chung và cũng không ai nợ nần vợ chồng tôi.

**** Bị đơn - ông Lương Văn D. trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (D.) thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Thu A về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống bản thân tôi cũng có khuyết điểm nhỏ là hay lớn tiếng la mắng, không quan tâm đến vợ con nên đã làm cho bà A. bức xúc, bản thân tôi nghĩ đây là những mâu thuẫn nhỏ nên đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay Tuy nhiên vợ chồng tôi vẫn sống rất hòa thuận, hầu như không có gì xảy ra để làm ảnh hưởng đến hạnh phúc của vợ chồng. Tôi xin hứa sẽ sữa chữa khuyết điểm.

Tôi xác định tôi vẫn còn tình cảm vợ chồng với cô A. khả năng hàn gắn là có thể, bản thân tôi vẫn hy vọng cô A. tha thứ và thời gian sẽ làm nguôi ngoa mọi chuyện để hai vợ chồng tôi lại tìm được tiếng nói chung và tôi mong muốn được đoàn tụ gia đình với cô A, vì tôi vẫn còn thương vợ con.

- *Về con chung:* Tôi và cô Lê Thị Thu A có 02 con chung là Lương Thị Trâm A., sinh ngày 16/9/1997 và Lương Thị Trúc H., sinh ngày 04/4/2004. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con Lương Thị Trúc H. và không yêu cầu cô A cấp dưỡng nuôi con. Đối với Lương Thị Trâm A. đã đủ tuổi trưởng thành nên muốn ở với ai là tùy.

Về tài sản chung: Tôi và cô Lê Thị Thu A. không có tài sản chung và cũng không ai nợ nần vợ chồng tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Lê Thị Thu A. và ông Lương Văn D. tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường ThLĐ (nay là UBND phường ThKĐ), quận ThK, thành phố ĐN. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa bà Lê Thị Thu A. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trong quá trình chung sống đến khoảng năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống tính tình không hợp, ông D. có tính gia trưởng, thường hay nhậu nhẹt say xỉn về nhà chửi bới vợ con, không quan tâm lo lắng xây dựng hạnh phúc gia đình, khiến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù tôi cũng đã nhiều lần khuyên nhũ nhưng ông D vẫn không nghe nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay tôi xác định về tình cảm không còn thương yêu gắn bó với ông D. nữa nên yêu cầu Tòa án giải

quyết cho tôi được ly hôn. Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị Thu A. đối với ông Lương Văn D., Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng ông D. bà A. đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do luôn bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, tính tình không hợp, bản thân ông D. luôn gia trưởng, nhiều lần la mắng đuổi đánh vợ con, không xây dựng hạnh phúc gia đình và bỏ mặc mẹ con bà dẫn đến thường xuyên cãi vã. Mặc dù ông bà cũng đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đạt được kết quả. Hiện tại bà A. và ông D. đã sống ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn của ông bà đã thực sự trầm trọng, dời sống chung không thể kéo dài, bà không còn tình cảm yêu thương với ông D.

Đối với yêu cầu xin được đoàn tụ gia đình của ông Lương Văn D., Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên nhân là do ông hay la mắng vợ con, không quan tâm đến gia đình, tuy nhiên ông cho rằng đây là những khuyết điểm nhỏ, ông hứa sẽ sửa đổi để vợ chồng sống hòa thuận và mong muốn đoàn tụ. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết đến nay ông không có giải pháp nào níu kéo hạnh phúc, hàn gắn với bà A. Mặt khác, tại phiên Tòa bà A. vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn điều đó chứng tỏ bản thân ông cũng không có thiện chí cũng như không còn tha thiết gắn bó, xây dựng hạnh phúc với bà A. nên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu đoàn tụ gia đình của ông không có cơ sở để xem xét.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị Thu A. và ông Lương Văn D. về việc được nuôi con chung Lương Thị Trúc H., sinh ngày 04/4/2004 thì thấy: Hiện nay, cháu H. đang sinh sống ổn định cùng mẹ là bà A., mặt khác nguyện vọng của cháu H. cũng mong muốn được ở cùng mẹ để thuận tiện trong việc đưa đón đi học và chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, để không làm xáo trộn tâm lý cũng như ảnh hưởng việc chăm sóc, học hành thấy cần giao cháu H. cho bà A. trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và ông D. không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thu A. và ông Lương Văn D. xác định không có tài sản chung đồng thời vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thu A. về việc ly hôn đối với ông Lương Văn D. Về con chung: Giao con chung Lương Thị Trúc H., sinh ngày 04/4/2004 cho bà Lê Thị Thu A. trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lương Văn D. không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Thu A. phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Về quan hệ hôn nhân*: Xử: Bà Lê Thị Thu A. được ly hôn với ông Lương Văn D..

** Về con chung:* Giao con chung Lương Thị Trúc H., sinh ngày 04/4/2004 cho bà Lê Thị Thu A. trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), ông Lương Văn D. không phải cấp dưỡng nuôi con. Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật

** Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lê Thị Thu A. và ông Lương Văn D. xác định vợ chồng không có tài sản chung và không nợ nần gì của ai nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* bà Lê Thị Thu A. phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003417 ngày 21/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự (theo địa chỉ);*
- *VKSND q.Hải Châu;*
- *UBND p.ThKĐ, q.ThK;*
- *Chi cục THADS q.Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Hồng Hải